

Bản án số: 163/2019/DS-ST
Ngày: 19/9/2019
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Tổng Văn Tư**

2. Ông **Nguyễn Văn Dực**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Liêu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

* Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 186/2019/TLST-DS ngày 21/5/2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Phương Y**, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 15, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Hữu T**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ HKTT: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

Địa chỉ chỗ ở: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Y trình bày:*

Anh Phạm Hữu T là người góp hoa chi bến bãi chợ C thuộc xã A, huyện C, tỉnh T quen biết với bà, anh T cần tiền để tham gia đấu thầu thu hoa chi bến bãi chợ C nên hỏi mượn tiền của bà các lần như sau:

- Tại biên nhận mượn tiền ngày 27/12/2016, anh T tự tay viết biên nhận mượn tiền của bà 20.000.000 đồng, thỏa thuận khi nào bà cần vốn báo cho anh T biết anh T hoàn trả, lãi thỏa thuận trả cho bà 1.000.000 đồng/tháng, sau khi anh T mượn 20.000.000 đồng anh T không thực hiện trả lãi.

- Tại biên nhận mượn tiền ngày 09/01/2016 do anh T viết nhầm, đúng thực tế là năm 2017, anh T thỏa thuận mượn thêm của bà 40.000.000 đồng góp hàng ngày, một ngày là 400.000 đồng, góp trong 04 tháng.

Sau khi anh T nhận thêm của bà 40.000.000 đồng, anh T trả lãi của 20.000.000 đồng trước một tháng là 1.000.000 đồng, sau đó anh T góp được 05 ngày là 2.000.000 đồng, anh T không góp cũng không trả lãi, hứa hẹn kéo dài thách thức bà đi khởi kiện.

Biên nhận mượn tiền ngày 27/12/2016 anh T nợ vốn là 20.000.000 đồng trả lãi được 01 tháng nợ lãi từ tháng 01/2017 cho đến nay là 1.000.000 đồng. Biên nhận ngày 09/01/2017 nợ vốn của bà là 40.000.000 đồng, trả góp được 05 ngày là 2.000.000 đồng. Nay bà xác định số tiền 2.000.000 đồng trả góp 05 ngày bà cần trừ vào phần vốn gốc của Biên nhận ngày 09/01/2017.

Cả Biên nhận mượn tiền ngày 27/12/2016 và Biên nhận ngày 09/01/2017 đều do anh T viết và ký tên, biên nhận bị rách ngang phần ký tên được bấm trên tờ giấy lịch là do khi bị mưa ướt bà xếp ngang bị rách bà sợ hư nên bấm trên tờ giấy lịch. Còn biên nhận ngày 27/12/2016 do bị ướt nên rách mất phần năm 2016. Bà xác định anh T mượn số tiền 20.000.000 đồng là vào ngày 27/12/2016.

Nay bà khởi kiện yêu cầu anh Phạm Hữu T trả cho bà theo biên nhận ngày 27/12/2016 tiền vốn là 20.000.000 đồng và theo biên nhận ngày 09/01/2017 tiền vốn là 38.000.000 đồng và phải chịu lãi theo quy định từ tháng 2 năm 2017 đến ngày Tòa án xét xử, bà đồng ý cần trừ phần lãi mà bị đơn đã thực hiện vượt quá quy định trên số tiền lãi 1.000.000 đồng mà bà đã nhận.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Phạm Hữu T hợp lệ và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị đơn anh Phạm Hữu T vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà Nguyễn Thị Phương Y: Yêu cầu anh Phạm Hữu T trả cho bà theo biên nhận ngày 27/12/2016 tiền vốn là 20.000.000 đồng và theo biên nhận ngày 09/01/2017 tiền vốn là 38.000.000 đồng và phải chịu lãi theo quy định từ tháng 2 năm 2017 (ngày 01/02/2017) đến ngày Tòa án xét xử, bà đồng ý cản trừ phần lãi mà bị đơn đã thực hiện vượt quá quy định trên số tiền lãi 1.000.000 đồng mà bà đã nhận.

- Anh Phạm Hữu T: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh Phạm Hữu T có địa chỉ ấp C, xã A, huyện C, tỉnh T theo biên nhận mượn tiền mà anh T viết cho bà. Trong quá trình làm việc nguyên đơn bà Y cung cấp chứng cứ xác định anh T có địa chỉ hộ khẩu thường trú ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T và địa chỉ chỗ ở hiện nay ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T trả số tiền vay nợ. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh đã vắng mặt không lý do chính đáng, không gì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T trong vụ án này.

[3] Về nội dung:

[3.1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Y xác định:

+ Biên nhận mượn tiền ngày 27/12/2016, do anh T tự tay viết biên nhận mượn tiền của nguyên đơn số tiền là 20.000.000 đồng, thỏa thuận khi nào nguyên đơn cần vốn báo cho anh T biết anh T hoàn trả, anh T thỏa thuận miệng tiền lãi trả cho bà Y 1.000.000 đồng/tháng. Thỏa thuận lãi không ghi trong biên nhận nhưng trong quá trình tố tụng anh T cũng không có ý kiến gì phản đối, nghĩa là anh T mặc nhiên thừa nhận có thỏa thuận lãi như trình bày của bà Y. Nên căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 xác định hợp đồng vay theo biên nhận ngày 27/12/2016 là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi.

+ Biên nhận mượn tiền ngày 09/01/2016 do anh T viết nhầm, đúng thực tế là năm 2017, anh T thỏa thuận mượn thêm của nguyên đơn 40.000.000 đồng góp hàng ngày, một ngày là 400.000 đồng, góp trong 04 tháng. Nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015 xác định hợp đồng vay theo biên nhận ngày 09/01/2016 (*thực tế 09/01/2017*) là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi.

Xét thấy giao dịch vay tiền của nguyên đơn bà Y và anh T được giao kết trên cơ sở tự nguyện của các bên. Nhưng khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì anh T là bên vi phạm nghĩa vụ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết. Sau khi anh T nhận thêm của bà Y 40.000.000 đồng, anh T trả lãi của 20.000.000 đồng được một tháng là 1.000.000 đồng, sau đó anh T góp được 05 ngày là 2.000.000 đồng của số tiền 40.000.000 đồng thì anh T không góp cũng không trả lãi, hứa hẹn kéo dài thách thức bà Y đi khởi kiện. Do quyền lợi bị xâm hại nên bà Y khởi kiện anh Phạm Hữu T trả cho bà theo biên nhận ngày 27/12/2016 tiền vốn là 20.000.000 đồng và theo biên nhận ngày 09/01/2017 tiền vốn là 38.000.000 đồng và phải chịu lãi theo quy định từ ngày 01/02/2017 đến ngày Tòa án giải quyết; bà đồng ý căn trừ phần lãi mà bị đơn đã thực hiện vượt quá quy định trên số tiền lãi 1.000.000 đồng mà bà đã nhận. Việc anh T không đến Tòa tham gia tố tụng là tự mình từ bỏ quyền lợi của mình được trình bày ý kiến, đề nghị, yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình. Anh T không có ý kiến gì về nội dung bà Y đã kiện nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Y xác định cả hai biên nhận bà yêu cầu tính lãi theo quy định từ ngày 01/02/2017 đến ngày Tòa án xét xử. Do số tiền lãi 1.000.000 đồng bà Y đã nhận trước thời gian bắt đầu yêu cầu tính lãi (01/02/2017) có lợi cho anh T, anh T không phải trả lãi từ ngày vay đến trước ngày 01/02/2017. Theo đó, số tiền 1.000.000 đồng bà Y thừa nhận có nhận tiền lãi và đồng ý cân trừ với số tiền lãi vượt quá quy định được chuyển sang cân trừ với số tiền nợ gốc.

Từ những nhận định trên, thấy rằng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Y yêu cầu bị đơn anh Phạm Hữu T trả số tiền nợ gốc còn thiếu theo biên nhận ngày 27/12/2016 là 20.000.000 đồng (*nhưng bị cân trừ vào số tiền lãi bà Y đã nhận 1.000.000 đồng, còn lại 19.000.000 đồng*) và theo biên nhận ngày 09/01/2017 là 38.000.000 đồng (*Cộng chung lại là 57.000.000đ*) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Y.

[3.2] Về lãi suất: bà Y yêu cầu tính lãi theo quy định từ ngày 01/02/2017 đến ngày Tòa án xét xử, sau thời gian xác lập hợp đồng theo quy định là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ theo quy định tại các Điều 466, 468 469, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (*gọi tắt là Nghị quyết 01*) Hội đồng xét xử tính lãi như sau:

[3.2.1] Đối với hợp đồng vay theo biên nhận mượn tiền ngày 27/12/2016 là hợp đồng vay có lãi, không có kỳ hạn nên thời điểm xác định kỳ hạn thực hiện quyền của bên cho vay là ngày Tòa án thụ lý giải quyết vụ án (21/5/2019) để làm căn cứ tính lãi. Theo đó, lãi suất theo hợp đồng này sẽ được tính như sau:

**** Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn theo quy định tại điểm a, khoản 2, điều 5 của Nghị quyết số 01 như sau:***

Lãi suất trong hạn từ ngày 01/02/2017 đến ngày 21/5/2019 (840 ngày) trên số tiền vốn vay là 19.000.000 đồng; được tính là: $(20\%/365) \times 19.000.000 \text{ đồng} \times 840 \text{ ngày} = 8.745.205 \text{ đồng}$

**** Tiền lãi trên số tiền nợ lãi chưa trả theo điểm b, khoản 2, điều 5 của Nghị quyết số 01 như sau:***

Lãi trên số nợ lãi chưa trả từ ngày 01/02/2017 đến ngày 21/5/2019 (840 ngày) trên số tiền lãi chậm trả 8.745.205 đồng; được tính là $(10\%/365) \times 8.745.205 \text{ đồng} \times 840 \text{ ngày} = 2.012.595 \text{ đồng}$.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo điểm c, khoản 2, điều 5 của Nghị quyết số 01 như sau:

Lãi suất quá hạn từ ngày 22/5/2019 đến ngày 19/9/2019 (121 ngày) trên số tiền 19.000.000đồng; được tính là $((20\% \times 150\%)/365)) \times 19.000.000\text{đồng} \times 121 \text{ ngày} = 1.889.589\text{đồng}$.

Như vậy, tổng cộng các khoản lãi là: 8.745.205 đồng +2.012.595 đồng +1.889.589đồng. = 12.647.389 đồng.

[3.2.2] Đối với hợp đồng vay theo biên nhận mượn tiền ngày 09/01/2016 (thực tế là ngày 09/01/2017) là hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn 04 tháng nên thời điểm xác định kỳ hạn thực hiện quyền của bên cho vay là ngày 08/5/2017 để làm căn cứ tính lãi. Theo đó, lãi suất theo hợp đồng này sẽ được tính như sau:

**** Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn theo quy định tại điểm a, khoản 2, điều 5 của Nghị quyết số 01 như sau:***

Lãi suất trong hạn từ ngày 01/02/2017 đến ngày 08/5/2017 (97 ngày) trên số tiền vốn vay là 38.000.000đồng; được tính là: $(20\%/365) \times 38.000.000\text{đồng} \times 97 \text{ ngày} = 2.019.726 \text{ đồng}$

**** Tiền lãi trên số tiền nợ lãi chưa trả theo điểm b, khoản 2, điều 5 của Nghị quyết số 01 như sau:***

Lãi trên số nợ lãi chưa trả từ ngày 01/02/2017 đến ngày 08/5/2017 (97 ngày) trên số tiền lãi chậm trả 2.019.726 đồng; được tính là $(10\%/365) \times 2.019.726 \text{ đồng} \times 97 \text{ ngày} = 53.675 \text{ đồng}$.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo điểm c, khoản 2, điều 5 của Nghị quyết số 01 như sau:

Lãi suất quá hạn từ ngày 09/5/2017 đến ngày 19/9/2019 (864 ngày) trên số tiền 38.000.000đồng; được tính là $((20\% \times 150\%)/365)) \times 38.000.000\text{đồng} \times 864 \text{ ngày} = 26.985.205 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng cộng các khoản lãi là: 2.019.726 đồng +53.675 đồng + 26.985.205 đồng= 29.058.606 đồng.

Tổng số tiền vốn và lãi anh T phải trả cho bà Y là: 57.000.000 đồng tiền vốn + 12.647.389 đồng tiền lãi theo biên nhận 27/12/2016 + 29.058.606 đồng tiền lãi theo biên nhận ngày 09/01/2016 (thực tế 09/01/2017) = **98.705.995 đồng (làm tròn là 98.706.000 đồng)**

[4] Về án phí: Anh T phải chịu 4.935.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Phương Y 1.650.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số 10284 ngày 21/5/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 92, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương Y. Buộc anh Phạm Hữu T trả cho bà Nguyễn Thị Phương Y số tiền 98.706.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất theo quy định của Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Anh Phạm Hữu T phải chịu 4.935.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Phương Y 1.650.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số 10284 ngày 21/5/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Bà Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

